VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam

Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2017 (được bổ sung bởi Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc bổ sung danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử), được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 17/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2016/QH14 về thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.[1]

---

[1] Nghị định số 17/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nước ngoài là công dân của các nước thuộc danh sách được thí điểm cấp thị thực điện tử quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh là cổng thông tin điện tử của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an có tên miền tiếng Việt là "https://www.xuatnhapcanh.gov.vn"; tiếng Anh là "https://www.immigration.gov.vn", có chức năng xuất bản thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hỗ trợ tìm kiếm, liên kết, lưu trữ thông tin liên quan đến lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh.

2. Trang thông tin cấp thị thực điện tử là trang thông tin điện tử thuộc Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, có chức năng tiếp nhận, giải quyết và cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài.

3. Tài khoản điện tử là tài khoản do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp cho cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh để truy cập vào Trang thông tin cấp thị thực điện tử, gửi hồ sơ mời, bảo lãnh và nhận kết quả trả lời.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2016/QH14 về thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2018/QH14 về kỳ họp thứ sáu, Quốc hội khóa XIV ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam."

4. Mã hồ sơ điện tử là một dãy các ký tự chữ và số được tạo theo một nguyên tắc thống nhất do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp cho người nước ngoài, cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người nước ngoài để theo dõi kết quả giải quyết và in thị thực điện tử.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH VIỆT NAM

Điều 4. Trình tự, thủ tục cấp thị thực điện tử theo đề nghị của người nước ngoài

1. Người nước ngoài đề nghị cấp thị thực điện tử thực hiện như sau:

a) Truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử để khai thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử, tải ảnh và trang nhân thân hộ chiếu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Nhận mã hồ sơ điện tử và nộp phí cấp thị thực vào tài khoản quy định tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử và phí cấp thị thực, Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời người đề nghị cấp thị thực điện tử tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử.

3. Người nước ngoài đề nghị cấp thị thực điện tử sử dụng mã hồ sơ điện tử để kiểm tra kết quả giải quyết của Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử; trường hợp được cấp thị thực điện tử thì sử dụng mã hồ sơ điện tử để in thị thực điện tử theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 5. Trình tự, thủ tục cấp thị thực điện tử theo đề nghị của cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh

1. Trước khi đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài, cơ quan, tổ chức tại Việt Nam đăng ký tài khoản điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này và có chữ ký điện tử theo quy định của Luật giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn.

2. Đăng ký, hủy tài khoản điện tử

a) Cơ quan, tổ chức gửi văn bản đề nghị cấp tài khoản điện tử cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này. Việc đề nghị

cấp tài khoản điện tử chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp thay đổi nội dung hoặc tài khoản bị hủy theo quy định tại điểm c khoản này.

b) Cục Quản lý xuất nhập cảnh có văn bản trả lời và cấp tài khoản điện tử theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức; trường hợp không cấp tài khoản điện tử thì Cục Quản lý xuất nhập cảnh có văn bản trả lời nêu rõ lý do theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Tài khoản điện tử bị hủy trong trường hợp cơ quan, tổ chức có tài khoản đề nghị bằng văn bản hoặc cơ quan, tổ chức có tài khoản vi phạm các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và về quản lý xuất nhập cảnh. Khi hủy tài khoản, Cục Quản lý xuất nhập cảnh có văn bản thông báo, nêu rõ lý do theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài sử dụng tài khoản điện tử truy cập vào Trang thông tin cấp thị thực điện tử để đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

4. Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời cơ quan, tổ chức tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử và phí cấp thị thực.

5. Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài sử dụng mã hồ sơ điện tử để nhận văn bản trả lời của Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử và thông báo kết quả giải quyết cho người nước ngoài.

6. Người nước ngoài được cấp thị thực điện tử sử dụng mã hồ sơ điện tử do cơ quan, tổ chức thông báo để in thị thực điện tử.

Điều 6. Nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử

Người nước ngoài sử dụng thị thực điện tử nhập cảnh, xuất cảnh qua các cửa khẩu quốc tế quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ CÔNG AN, BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 7. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì giúp Chính phủ tổ chức thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam.

2. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin tiếp nhận đề nghị, xét duyệt, cấp thị thực điện tử đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật và liên tục.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng trong việc truyền, nhận đầy đủ, kịp thời thông tin về người nước ngoài được cấp thị thực điện tử tới đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an và đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Quốc phòng.

4. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thông báo cho các Hãng hàng không kết nối với Trang thông tin cấp thị thực điện tử để kiểm tra thông tin về hành khách đã được cấp thị thực điện tử trước khi chuyên chở vào Việt Nam.

Điều 8. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Phối hợp với Bộ Công an trong việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.

2. Chỉ đạo các đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc Bộ Quốc phòng kết nối với Cục Quản lý xuất nhập cảnh để tiếp nhận thông tin cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài và thực hiện kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh của người nước ngoài được cấp thị thực điện tử tại cửa khẩu.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[2]

Điều 9. Danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử và danh sách các cửa khẩu cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử

1. Ban hành kèm theo Nghị định này danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử (Phụ lục I) và danh sách các cửa khẩu cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử (Phụ lục II).

---

[2] Điều 2 của Nghị định số 17/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành trong hai năm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

2. Trong thời gian thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, các Phụ lục quy định tại khoản 1 Điều này có thể được sửa đổi, bổ sung theo quyết nghị của Chính phủ.

Điều 10. Áp dụng giao dịch điện tử trong việc mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam

1. Cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được lựa chọn việc gửi văn bản đề nghị cấp thị thực cho người nước ngoài qua giao dịch điện tử tại Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh.

2. Trước khi gửi văn bản đề nghị qua giao dịch điện tử, cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người nước ngoài phải đủ điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Nghị định này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành[3]

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2017 đến ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ CÔNG AN

Số: 03/VBHN-BCA

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 17/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CÁC NƯỚC CÓ CÔNG DÂN ĐƯỢC THÍ ĐIỂM CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ[4]

(Kèm theo Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ)

STT	ICAO	TÊN	TÊN (TIẾNG ANH)
1	AZE	A-déc-bai-gian	Azerbaijan
2	ARG	Ac-hen-ti-na	Argentina
3	ARM	Ac-mê-ni-a	Armenia
4	IRL	Ai-rơ-len	Ireland
5	ISL	Ai-xơ-len	Iceland
6	AUT	Áo	Austria
7	POL	Ba Lan	Poland
8	BLR	Bê-la-rút	Belarus
9	BEL	Bỉ	Belgium
10	PRT	Bồ Đào Nha	Portugal
11	BIH	Bô-xni-a Héc-dê-gô-vi-na	Bosnia and Herzegovina
12	BGR	Bun-ga-ri	Bulgaria
13	BRA	Braxin	Brazil
14	BRN	Bru-ney	Bruney
15	ARE	Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	United Arab Emirates
16	CAN	Ca-na-đa	Canada
17	QAT	Ca-ta	Qatar
18	IND	Cộng hòa Ấn Độ	India
19	KOR	CH Hàn Quốc	Korea (South)
20	D	CH Liên bang Đức	Germany

[4] Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc bổ sung danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử và điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 17/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

21	AND	Công quốc An-đơ-ra	Andorra
22	LIE	Công quốc Lích-ten-xtên	Liechtenstein
23	MCO	Công quốc Mô-na-cô	Monaco
24	CHL	Chi-lê	Chile
25	COL	Cô-lôm-bi-a	Colombia
26	CZE	Cộng hòa Séc	Czech Republic
27	HRV	Crô-a-ti-a	Croatia
28	CUB	Cu Ba	Cuba
29	DNK	Đan Mạch	Denmark
30	TLS	Đông Ti-mo	Timor Leste
31	EST	Ê-xtô-ni-a	Estonia
32	FJI	Fi-ji	Fiji
33	GEO	Gru-di-a	Georgia
34	USA	Hoa Kỳ	United States of America
35	HUN	Hung-ga-ri	Hungari
36	GRC	Hy Lạp	Greece
37	ITA	I-ta-li-a	Italy
38	KAZ	Ka-dắc-xtan	Kazakhstan
39	LVA	Lát-vi-a	Latvia
40	RUS	Liên bang Nga	Russia
41	GBR	Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai len	United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland
42	LTU	Lit-hua-ni-a	Lithuania
43	LUX	Luých-xem-bua	Luxembourg
44	MLT	Man-ta	Malta
45	MKD	Ma-xê-đô-ni-a	Macedonia
46	FSM	Mai-crô-nê-xi-a	Micronesia
47	MEX	Mê-xi-cô	Mexico
48	MMR	Mi-an-ma	Myanmar (Burma)
49	MNE	Môn-tê-nê-grô	Montenegro
50	MDA	Môn-đô-va	Moldova
51	MNG	Mông Cổ	Mongolia
52	NRU	Na-u-ru	Nauru

53	JPN	Nhật Bản	Japan
54	NZL	Niu Di-lân	New Zealand
55	AUS	Ô-xtơ-rây-lia	Australia
56	PLW	Pa-lau	Palau
57	PAN	Pa-na-ma	Panama
58	PNG	Pa-pua Niu Ghi-nê	Papua New Guinea
59	PER	Pê-ru	Peru
60	FIN	Phần Lan	Finland
61	FRA	Pháp	France
62	PHL	Phi-líp-pin	Philippines
63	MHL	Quần đảo Mác-san	Marshall Islands
64	SLB	Quần đảo Xa-lô-mông	Salomon Islands
65	ROM	Ru-ma-ni	Romania
66	SMR	San Ma-ri-nô	San Marino
67	CYP	Síp	Cyprus
68	ESP	Tây Ban Nha	Spain
69	SWE	Thụy Điển	Sweden
70	CHE	Thụy Sĩ	Switzerland
71	CHN	Trung Quốc - Bao gồm công dân mang hộ chiếu Hồng Kông, hộ chiếu Ma Cao - Không áp dụng với công dân mang hộ chiếu phổ thông điện tử Trung Quốc	China - Including Hong Kong SAR and Macau SAR passport holders - Not apply to Chinese e-passport holders
72	URY	U-ru-goay	Uruguay
73	VUT	Va-nu-a-tu	Vanuatu
74	VEN	Vê-nê-du-ê-la	Venezuela
75	NLD	Vương quốc Hà Lan	Netherland
76	NOR	Vương quốc Na-uy	Norway
77	WSM	Xa-moa	Western Samoa
78	SRB	Xéc-bi-a	Serbia
79	SVK	Xlô-va-ki-a	Slovakia
80	SVN	Xlô-ve-ni-a	Slovenia

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CỬA KHẨU CHO PHÉP NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH BẰNG THỊ THỰC ĐIỆN TỬ[5]

(Kèm theo Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ)

I. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG KHÔNG

1. Sân bay quốc tế Nội Bài;
2. Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất;
3. Sân bay quốc tế Cam Ranh;
4. Sân bay quốc tế Đà Nẵng;
5. Sân bay quốc tế Cát Bi;
6. Sân bay quốc tế Cần Thơ;
7. Sân bay quốc tế Phú Quốc;
8. Sân bay quốc tế Phú Bài.

II. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG BỘ

1. Cửa khẩu quốc tế Tây Trang/tỉnh Điện Biên;
2. Cửa khẩu quốc tế Móng Cái/Quảng Ninh;
3. Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị/Lạng Sơn;
4. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai/Lào Cai;
5. Cửa khẩu quốc tế Na Mèo/tỉnh Thanh Hóa;
6. Cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn/Nghệ An;
7. Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo/Hà Tĩnh;
8. Cửa khẩu quốc tế Cha Lo/Quảng Bình;
9. Cửa khẩu quốc tế La Lay/tỉnh Quảng Trị;
10. Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo/Quảng Trị;
11. Cửa khẩu quốc tế Bờ Y/Kon Tum;
12. Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Tây Ninh;
13. Cửa khẩu quốc tế Xa Mát/Tây Ninh;
14. Cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên/An Giang;
15. Cửa khẩu quốc tế Sông Tiền/An Giang;
16. Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên/Kiên Giang.

---

[5] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 17/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

III. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG BIỂN

1. Cửa khẩu Cảng Hòn Gai/Quảng Ninh;
2. Cửa khẩu Cảng Hải Phòng/Hải Phòng;
3. Cửa khẩu cảng Chân Mây/tỉnh Thừa Thiên - Huế
4. Cửa khẩu Cảng Nha Trang/Khánh Hòa;
5. Cửa khẩu Cảng Đà Nẵng/Đà Nẵng;
6. Cửa khẩu Cảng Quy Nhơn/Bình Định;
7. Cửa khẩu Cảng Vũng Tàu/Bà Rịa - Vũng Tàu;
8. Cửa khẩu Cảng Thành phố Hồ Chí Minh/Thành phố Hồ Chí Minh;
9. Cửa khẩu cảng Dương Đông/tỉnh Kiên Giang.

Ảnh - photo 4 x 6 cm (2) See notes	Ảnh trang nhân thân hộ chiếu (2) Passport data page image

Mẫu số (Form) 01
Kèm theo Nghị định số 07/2017/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ

THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ VIỆT NAM (1)
VIETNAMESE ELECTRONIC VISA APPLICATION FORM

1. Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
2. Giới tính: Nam □ Nữ □ 3. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
4. Quốc tịch gốc:..... 5. Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
6. Tôn giáo: ..... 7. Nghề nghiệp:.....
Religion Occupation
8. Địa chỉ thường trú:.....
Permanent residential address
..... Số điện thoại và Email:.....
Telephone/Email
9. Hộ chiếu số:..... loại (3):..... có giá trị đến ngày:...../...../.....
Passport number Type Expiry date (Day, Month, Year)
10. Dự kiến nhập cảnh Việt Nam ngày...../...../.....; tạm trú ở Việt Nam..... ngày
Intended date of entry (Day, Month, Year) Intended length of stay in Vietnam days
11. Mục đích nhập cảnh:.....
Purpose of entry
12. Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:.....
Intended temporary residential address in Vietnam
13. Cơ quan, tổ chức tại Việt Nam mời, bảo lãnh (nếu có):
Hosting organisation in Vietnam (if any)
Cơ quan, tổ chức:.....
Name of hosting organisation
Địa chỉ:.....
Address
Số điện thoại và Email:.....
Telephone/Email
14. Trẻ em dưới 14 tuổi được cấp chung hộ chiếu đề nghị được cấp cùng thị thực điện tử (nếu có):

Under 14 years old accompanying child(ren) included in your passport (if any)

Ảnh - photo 4 x 6 cm (under 14 years old) See notes (2)	Ảnh - photo 4 x 6 cm (under 14 years old) See notes (2)

Số TT ***No***	**Họ tên (chữ in hoa)** ***Full name (in capital letters)***	**Giới tính** ***(Sex)***	**Ngày tháng năm sinh** ***Date of birth***

15. Nội dung đề nghị:

Requested information

- Cấp thị thực điện tử từ ngày đến ngày...../ ...../..... đến ngày...../...../.....
Grant evisa valid from (Day, Month, Year) to (Day, Month, Year)

- Nhập cảnh qua cửa khẩu..... và xuất cảnh qua cửa khẩu.....
Allowed to entry through..... checkpoint and exit through..... chekpoint

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.
I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại:..... ngày..... tháng..... năm .....
Done at date (Day, Month, Year)

*** Lưu ý:**
Nếu hồ sơ của ông/bà thiếu hoặc có thông tin sai, không xác định được thì hồ sơ của ông/bà sẽ không được chấp nhận.
If there is any missing or incorrect/unidentified information, your application will not be accepted.

Ghi chú/*Notes:*
(1) Mỗi người khai 01 bản.
Each person fulfills one application form.
(2) Nạp ảnh trang nhân thân hộ chiếu và ảnh mặt chân dung, cỡ 4 x 6cm (mặt nhìn thẳng, không đeo kính).
Upload your passport data page image and photos in 4x6 cm size (straight looking without glasses).
(3) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao.
Specify type of passport: Ordinary/Official/Diplomatic.

Mẫu số (Form) 02
Kèm theo Nghị định số 07/2017/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THỊ THỰC ĐIỆN TỬ
ELECTRONIC VISA
Số:...../EV
N°
Mã: .....
Code

HỌ TÊN:.....
Full name
NGÀY THÁNG NĂM SINH:.....
Date of birth
MANG HỘ CHIẾU CỦA NƯỚC
Holding passport of country.....
SỐ HỘ CHIẾU:..... THỜI HẠN ĐẾN:.....
Passport number Date of expiry
THỊ THỰC CÓ GIÁ TRỊ MỘT LẦN, TỪ NGÀY ĐẾN NGÀY
Good for single entry valid from..... until.....
Được nhập cảnh qua cửa khẩu.....
Allowed to entry through..... checkpoint
Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry
Tên cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh (nếu có):
Name of hosting organisation in Vietnam (if any)
Địa chỉ:.....
Address
Số điện thoại:.....
Telephone
TRẺ EM CÙNG HỘ CHIẾU ĐƯỢC CẤP THỊ THỰC ĐI CÙNG (NẾU CÓ):
Granted E-visa Accompanying children (if any)

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Vietnam Immigration Department

Mã vạch

Ghi chú:
- Hệ thống tự động sinh số thị thực điện tử độ dài 9 số và 2 chữ cái có cấu trúc như sau: NNN/EV
Trong đó:
+ NNN: là dãy số tự nhiên từ 000000001-999999999 (9 số);
+ EV: Evisa (2 chữ cái viết hoa).
- Code: là mã hồ sơ điện tử.

Mẫu số (Form) 03
Kèm theo Nghị định số 07/2017/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / V/v đề nghị cấp tài khoản truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử	*..... ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

Tên cơ quan, tổ chức..... (1)

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Đề nghị được cấp tài khoản truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử để..... (2) và cam kết chấp hành đúng các quy định của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:...	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan, tổ chức;
(2) Ghi rõ mục đích đề nghị cấp tài khoản.

Mẫu số (Form) 04
Kèm theo Nghị định số 07/2017/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-QLXNC
V/v cấp tài khoản truy cập
Trang thông tin cấp thị thực điện tử

..... ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....(1)

Theo đề nghị của (1)... tại văn bản số:..... ngày.... tháng.... năm..... về việc đề nghị cấp tài khoản truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử để..... (2).

Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thông báo:

Kể từ ngày... tháng... năm 20....., (1)... được phép truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để..... (2) bằng tài khoản..... (3).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

CỤC TRƯỞNG

Ghi chú:
- (1) Tên cơ quan, tổ chức;
- (2) Ghi rõ mục đích đề nghị cấp tài khoản;
- (3) Tên tài khoản.

Mẫu số (Form) 05
Kèm theo Nghị định số 07/2017/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-QLXNC
V/v từ chối cấp tài khoản truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử

..... ngày tháng năm.....

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25/01/2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh thông báo:

Từ chối đề nghị cấp tài khoản truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử để .....(2) của.....(1) tại văn bản số:..... ngày... tháng... năm 20....

Lý do từ chối:.....

.....

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu

Ghi chú:
- (1) Tên cơ quan, tổ chức.
- (2) Ghi rõ mục đích đề nghị cấp tài khoản.

Mẫu số (Form) 06
Kèm theo Nghị định số 07/2017/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-QLXNC
V/v hủy tài khoản truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử

..... ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 07/2017/NĐ-CP ngày 25/01/2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh thông báo:

Hủy tài khoản truy cập Trang thông tin cấp thị thực điện tử Cục Quản lý xuất nhập cảnh của..... (1)....

Lý do hủy tài khoản:.....
.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu

CỤC TRƯỞNG

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan, tổ chức bị hủy tài khoản truy cập.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng